

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHI QUYẾT

Về việc phê duyệt một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012-2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số: 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 103/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2012; Báo cáo thẩm tra số: 41/BC-KTNS ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012-2015 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 103/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2012 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

a) Phạm vi điều chỉnh

- Dự án đầu tư xây dựng mới;
- Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng công suất cấp nước;
- Dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước.

b) Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã (sau đây gọi là nhà đầu tư) thực hiện các hoạt động đầu tư, quản lý khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015.

2. Điều kiện áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ

a) Điều kiện áp dụng

- Đối với tất cả các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Mục 1.1, Phần 1 nêu trên đều phải lập dự án và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư.

- Nhà đầu tư phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ; có năng lực tài chính, năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư.

- Các công trình cấp nước sạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Nguyên tắc hỗ trợ

Hỗ trợ sau đầu tư, việc hỗ trợ được thực hiện sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư

a) Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

- Nhà đầu tư đầu tư xây dựng mới, đầu tư nâng cấp mở rộng công suất, đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước các công trình cấp nước sạch nông thôn thì được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Đất được nhà nước giao hoặc cho thuê được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì nhà đầu tư không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án, không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất; không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn; không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh. Việc sử dụng đất được nhà nước giao hoặc cho thuê phải đúng các quy định của pháp luật về đất đai, trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả nhà nước sẽ thu hồi.

b) Hỗ trợ giải phóng mặt bằng

Nhà đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch nông thôn, được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu mối.

c) Hỗ trợ tạo nguồn nước

Ngân sách nhà nước đầu tư đảm bảo đủ nguồn nước cho các công trình cấp nước sạch sử dụng nguồn nước mặt.

d) Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình

- Đối với dự án đầu tư xây dựng mới: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ 03 triệu đồng/1m³/ngày-đêm theo công suất cấp nước của công trình được các sở, ngành liên quan xác nhận sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

- Đối với dự án đầu tư nâng cấp mở rộng công suất cấp nước: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ 02 triệu đồng/1m³/ngày-đêm đối với phần công suất mở rộng của công trình được các sở, ngành liên quan xác nhận sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

- Đối với dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ 1,5 triệu đồng/1m³/ngày-đêm đối với phần công suất cấp nước mở rộng thực tế của công trình được các sở, ngành liên quan xác nhận sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

e) Ưu đãi về thuế

Nhà đầu tư có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư, được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Cụ thể như sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo (Riêng trên địa bàn huyện Thái Thụy và Tiền Hải được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi hết thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp).

4. Cơ chế tài chính

a) Trích nộp khấu hao cơ bản tài sản cố định

- Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn phải được hạch toán đầy đủ vào nguyên giá tài sản cố định và được hoàn trả ngân sách nhà nước bằng khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành.

- Hàng năm, cơ quan tài chính kiểm tra quyết toán các công trình cấp nước sạch nông thôn và việc trích nộp khấu hao tài sản theo quy định. Nguồn khấu hao này được nộp vào ngân sách tỉnh.

- Thời gian sử dụng công trình tối thiểu là 20 năm.

b) Giá bán nước sạch

Giá bán nước sạch nông thôn phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch nông thôn của đơn vị cấp nước; đảm bảo lấy thu bù chi và do nhà đầu tư quyết định nhưng phải nằm trong khung giá bán nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Nguồn vốn thực hiện

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn vốn khuyến khích đầu tư từ ngân sách tỉnh.

- Nguồn vốn của nhà đầu tư: Nhà đầu tư được phép huy động vốn theo hình thức góp cổ phần; vốn vay; vốn đóng góp của người sử dụng nước sạch; vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn

Nhà đầu tư có trách nhiệm quản lý, khai thác, sửa chữa, nâng cấp và kinh doanh công trình cấp nước sạch nông thôn do mình đầu tư hoặc có thể thuê, thỏa thuận, ký hợp đồng với một đơn vị khác có đủ năng lực để quản lý, khai thác công trình nhưng phải đảm bảo cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên